

Kết quả học tập của sinh viên Y khoa năm nhất K44, K45 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Lê Thị Thu Huyền^{1*}, Nguyễn Thị Hải¹

¹ Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

***Tác giả liên hệ**

Lê Thị Thu Huyền
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Điện thoại: 0983721382
Email: ltthuyen@hpmu.edu.vn

Thông tin bài đăng

Ngày nhận bài: 19/06/2025
Ngày phản biện: 20/06/2025
Ngày duyệt bài: 13/08/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kết quả học tập của sinh viên năm nhất K44 và K45 và so sánh kết quả học tập của sinh viên học chương trình y khoa bằng tiếng Anh với sinh viên học chương trình y khoa bằng tiếng Việt. **Phương pháp:** 999 sinh viên Y khoa K44 và K45, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Phương pháp mô tả cắt ngang. **Kết quả:** Trong học kỳ I, tỷ lệ sinh viên Y khoa năm nhất đạt loại Xuất sắc – Giỏi thấp (K44: 8,4%; K45: 3,9%), tỷ lệ Yếu & Kém ở mức cao (K44: 47,8%; K45: 37,6%). So sánh giữa hai khóa cho thấy K44 có tỷ lệ Xuất sắc – Giỏi cao hơn K45 (8,4% so với 3,9%), K45 nổi bật ở nhóm Khá – Giỏi ($\geq 7,0$ điểm) với 46,4%, cao hơn nhiều so với 26,8% của K44. Xét theo chương trình đào tạo, sinh viên Y khoa năm nhất được đào tạo chương trình Y khoa bằng tiếng Anh có kết quả vượt trội so với nhóm sinh viên năm nhất được đào tạo chương trình Y khoa bằng tiếng Việt, đặc biệt trong học kỳ I. Tỷ lệ Xuất sắc – Giỏi ở nhóm tiếng Anh đạt 30,5% so với chỉ 3,1% ở nhóm tiếng Việt, trong khi tỷ lệ Yếu & Kém thấp hơn đáng kể (15,2% so với 45,5%). Sang học kỳ II, khoảng cách giữa hai chương trình thu hẹp, nhưng nhóm học bằng tiếng Anh vẫn duy trì ưu thế ở tỷ lệ Xuất sắc – Giỏi (11,4% so với 4,6%). **Kết luận:** Tỷ lệ sinh viên đạt loại Xuất sắc – Giỏi ở năm nhất K44 và K45 thấp, tỷ lệ yếu kém ở học kỳ I khá cao. Học kỳ II, kết quả học tập có sự cải thiện rõ rệt với tỷ lệ Khá – Trung bình tăng và Yếu – Kém giảm. Sinh viên năm nhất K45 đạt kết quả tốt hơn K44 với ý nghĩa thống kê. Sinh viên năm nhất theo học chương trình Y khoa bằng tiếng Anh có kết quả vượt trội so với chương trình Y khoa tiếng Việt trong cả hai học kỳ, nhất là ở học kỳ I. Cần có thêm các nghiên cứu chuyên sâu để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập, từ đó xây dựng giải pháp hỗ trợ, đặc biệt cho nhóm sinh viên yếu kém.

Từ khóa: Kết quả học tập, sinh viên Y khoa, chương trình Y khoa bằng tiếng Anh, chương trình Y khoa bằng tiếng Việt

Academic results among first-year medical students of cohort K44 and K45 at Hai Phong University of Medicine and Pharmacy

ABSTRACT: Objective: To describe the academic results of first-year medical students in cohorts K44 and K45 and to compare the academic results between students enrolled in the English-medium and Vietnamese-medium medical programs. **Methods:** A total of 999 first-year medical students from cohorts K44 and K45, Hai Phong University of Medicine and Pharmacy. **Methods:** Analytical cross-sectional study. **Results:** In the first semester, the proportion of first-year medical students achieving Excellent–Good grades was low (K44: 8.4%; K45: 3.9%), while

the proportion of Poor & Very Poor was high (K44: 47.8%; K45: 37.6%). A comparison between the two cohorts showed that K44 had a higher proportion of Excellent–Good students than K45 (8.4% vs. 3.9%), whereas K45 stood out in the Fair–Good group (≥ 7.0 points) with 46.4%, much higher than K44 at 26.8%. By training program, first-year medical students enrolled in the English-medium program demonstrated superior academic results compared to those in the Vietnamese-medium program, particularly in the first semester. The proportion of Excellent–Good students in the English-medium group reached 30.5% compared to only 3.1% in the Vietnamese-medium group, while the proportion of Poor & Very Poor was markedly lower (15.2% vs. 45.5%). In the second semester, the gap between the two programs narrowed, but the English-medium group continued to maintain an advantage in the proportion of Excellent–Good students (11.4% vs. 4.6%). **Conclusion:** The proportion of Excellent–Good students in cohorts K44 and K45 was low, while the proportion of Poor & Very Poor students in the first semester was relatively high. In the second semester, academic results improved significantly, with an increase in Fair–Average students and a reduction in Poor & Very Poor students. First-year students in cohort K45 achieved better results than those in K44 with statistical significance. Students enrolled in the English-medium medical program outperformed those in the Vietnamese-medium program in both semesters, particularly in the first semester. Further in-depth studies are needed to identify the factors influencing academic results, thereby developing appropriate support strategies, especially for students at risk of poor outcomes.

Keywords: Academic results, medical students, English-medium medical program, Vietnamese-medium medical program.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đánh giá kết quả học tập là một trong những hoạt động quan trọng trong quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo đại học. Quá trình đánh giá không chỉ phản ánh mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên mà còn cung cấp dữ liệu thực tiễn cho các hoạt động cải tiến chương trình, phương pháp giảng dạy và hỗ trợ người học. Theo Vương (2023), kết quả học tập đóng vai trò như một “công cụ điều tiết” trong mô hình đào tạo đại học, giúp định hướng hành vi học tập và phát triển năng lực học thuật của người học [1]. Đồng thời, kết quả học tập cũng là một trong những tiêu chí quan trọng để đo lường chất lượng đào tạo của các trường đại học, đặc biệt trong các ngành đặc thù như Y khoa, nơi yêu cầu khắt

khe về cả kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành.

Trong giai đoạn năm nhất – thời điểm sinh viên vừa chuyển tiếp từ môi trường học phổ thông sang đại học – việc đánh giá kết quả học tập càng có ý nghĩa đặc biệt. Đây là giai đoạn nền tảng, định hình phương pháp học và tư duy học thuật, đồng thời thể hiện khả năng thích nghi với áp lực và cường độ học tập mới. Theo nghiên cứu của Trần Linh Cham và Ngô Thị Tâm, (2024), sinh viên năm nhất ngành Y thường gặp khó khăn trong quản lý thời gian, áp lực học tập và phương pháp học mới, dẫn đến tỷ lệ yếu/kém cao nếu không có sự hỗ trợ phù hợp [2].

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng những năm gần đây đã có những đổi mới trong công tác tuyển sinh và chương trình đào tạo, đáng chú ý là việc triển khai các lớp đào tạo bằng

tiếng Anh. Việc giảng dạy bằng tiếng Anh giúp sinh viên tiếp cận sớm với tài liệu học thuật quốc tế, nâng cao kỹ năng ngoại ngữ và chuẩn bị tốt hơn cho môi trường hành nghề y tế toàn cầu hóa. Theo Dang et al. (2025), khả năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng học tập chủ động có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả học tập tích cực ở sinh viên y khoa [3]. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế của chương trình đào tạo tiếng Anh tại các trường Y ở Việt Nam vẫn chưa được đánh giá đầy đủ qua các nghiên cứu thực chứng.

Bên cạnh đó, sự so sánh giữa các thể hệ sinh viên – điển hình là K44 và K45 – cũng rất cần thiết để nhà trường có cái nhìn toàn diện về hiệu quả chính sách tuyển sinh, định hướng học tập đầu khóa và các yếu tố nội tại ảnh hưởng đến kết quả học tập. Việc phân tích sự khác biệt giữa hai khóa giúp nhận diện những chuyển biến tích cực (nếu có), cũng như chỉ ra các thách thức cần khắc phục. Đặc biệt, trong bối cảnh áp dụng Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn đầu ra và hệ thống đánh giá đào tạo đại học, việc thực hiện nghiên cứu như vậy sẽ góp phần đảm bảo tính minh bạch và chất lượng trong hoạt động đào tạo [4].

Ngoài ra, các nghiên cứu trước đây như của Nguyễn Thị Thảo (2021) tại Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ghi nhận tình trạng phân hóa học lực rõ rệt trong sinh viên năm nhất ngành Y [5]. Điều này cho thấy đây không chỉ là vấn đề riêng lẻ mà là thách thức mang tính hệ thống, đòi hỏi sự can thiệp sớm và chiến lược toàn diện từ phía các cơ sở đào tạo.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng việc thực hiện nghiên cứu nhằm mô tả và so sánh kết quả học tập của sinh viên Y khoa năm nhất hai khóa K44 và K45, đồng thời phân tích sự khác biệt giữa các chương trình đào tạo Y khoa bằng tiếng Việt và tiếng Anh là cần thiết và có giá trị thực tiễn cao. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp bằng chứng quan

trọng để nhà trường đánh giá hiệu quả đào tạo hiện tại, thiết kế các chương trình hỗ trợ học tập phù hợp và định hướng chiến lược đào tạo trong thời gian tới. Vì vậy chúng tôi thực hiện đề tài: “Kết quả học tập của sinh viên Y khoa năm nhất K44, K45 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng” với mục tiêu:

1. Mô tả kết quả học tập của sinh viên năm nhất K44 và K45.
2. So sánh kết quả học tập của sinh viên năm nhất học chương trình y khoa bằng tiếng Anh với sinh viên học chương trình y khoa bằng tiếng Việt.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên năm thứ nhất ngành Y khoa, trường Đại học Y Dược Hải Phòng K44, K45.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên năm nhất ngành Y khoa khóa K44 (niên khóa 2022–2023) và K45 (niên khóa 2023–2024) đã hoàn thành đầy đủ chương trình học trong hai học kỳ đầu tiên, có đầy đủ bảng điểm học kỳ I và II, và không bảo lưu trong thời gian nghiên cứu.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng từ tháng 10/2024 đến tháng 6/2025.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu và chọn mẫu: Chọn toàn bộ 999 sinh viên đủ tiêu chuẩn (trong đó có 467 sinh viên K44 và 532 sinh viên K45)

Biến số nghiên cứu: Điểm trung bình học kỳ I và học kỳ II, khóa học.

Phương pháp thu thập số liệu: Xuất điểm trung bình theo học kỳ của đối tượng nghiên cứu từ phần mềm.

Phân tích số liệu

Dữ liệu sau khi thu thập bằng phần mềm Excel được làm sạch, mã hóa và nhập vào phần mềm SPSS phiên bản 22.0 để tiến hành xử lý và phân tích.

Để so sánh sự khác biệt giữa hai khóa học (K44 và K45) và giữa nhóm sinh viên học

chương trình tiếng Việt với chương trình tiếng Anh, nhóm tác giả sử dụng:

Kiểm định Chi-square (χ^2) để so sánh tỷ lệ sinh viên giữa các nhóm điểm phân loại học lực.

Mức ý nghĩa thống kê được xác định là $p < 0.05$.

Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua Hội đồng thông qua đề cương của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Tất cả thông tin của đối tượng nghiên cứu được bảo mật và chỉ phục vụ nghiên cứu khoa học.

KẾT QUẢ

Mô tả kết quả học tập của 2 khối sinh viên Y khoa năm nhất K44 và K45

Trong số 999 sinh viên Y khoa năm nhất K44 và K45, có 467 sinh viên lớp K44 (chiếm 46,8%) và 532 sinh viên K45 (53,2%). Tuy nhiên, trong học kỳ II, có một sinh viên khóa K45 nghỉ học, do đó số lượng sinh viên K45 còn lại trong học kỳ này là 531.

Bảng 1. Điểm tổng kết học kỳ I và học kỳ II của hai khóa sinh viên năm nhất K44 và K45 theo thang điểm 10

Điểm	Kỳ I		Tổng	Kỳ II		Tổng
	K44	K45		K44	K45	
9.0-10.0	4(0,9)	0 (0,0)	4(0,4)	(0,0)	0 (0,0)	0(0,0)
8.0-8.9	26 (5,6)	11 (2,1)	37(3,7)	3 (0,6)	25 (4,7)	28(2,8)
7.0 - 7.9	62 (13,3)	97 (18,2)	159(15,9)	99 (21,2)	204 (38,4)	303(30,4)
6.0 - 6.9	138 (29,6)	203 (38,2)	341(34,1)	231 (49,5)	198 (37,3)	429(43)
5.0 - 5.9	139 (29,8)	148 (27,8)	287(28,7)	97 (20,8)	87 (16,4)	184(18,4)
4 - 4.9	63 (13,5)	54 (10,2)	117(11,7)	29 (6,2)	9 (1,7)	38(3,8)
< 4	35 (7,5)	19 (7,5)	54(5,4%)	8(1,7)	8 (1,5)	16(1,6%)
Tổng	467 (100)	532 (100)	999(100)	467 (100)	531 (100)	998(100)
	p = 0.000			p = 0.000		

Nhận xét: Phân tích điểm số của sinh viên Y khoa năm nhất cho thấy sự phân bố thành các nhóm rõ rệt theo thang điểm có sự khác biệt giữa hai học kỳ cũng như giữa hai khóa học K44 và K45. Học kỳ I: Điểm chủ yếu trung bình (5,0 –6,9), khá giỏi ít, còn nhiều sinh viên yếu. Học kỳ II: học lực của sinh viên đã có cải thiện, nhiều sinh viên đạt khá (7,0 –7,9), số lượng sinh viên yếu giảm rõ. Sinh viên Y khoa K45 có thành tích nổi bật hơn sinh viên Y khoa K44 ở nhóm điểm khá giỏi. $p = 0.000$ cho thấy sự khác biệt phân bố điểm giữa kỳ I và kỳ II có ý nghĩa thống kê. Điều này chứng tỏ có sự tiến bộ rõ rệt của sinh viên qua các kỳ.

Bảng 2. Xếp loại học tập sinh viên Y khoa năm nhất K44 và K45

Kỳ Học lực	Kỳ I		Tổng	Kỳ II		Tổng
	K44 (%)	K45 (%)		K44 (%)	K45 (%)	
Xuất sắc-Giỏi	39(8,4)	21(3,9)	60(6,0)	8(1,7)%	45(8,5)	53(5,3)
Khá	96(20,6)	152(28,6)	248(24,8)	172(36,8)	249(46,4)	421(42,2)
Trung bình	109(23,3)	159(29,9)	268(26,8)	165(35,3)	143(26,9)	308(30,9)
Yếu-Kém	223 (47,8)	200 (37,6)	423 (42,3)	122 (26,1)	94 (17,7)	216 (21,6)
	p=0.000			p=0.000		

này cần được ưu tiên hỗ trợ thông qua các chương trình cố vấn học tập, rèn luyện kỹ năng ghi chép, tư duy phản biện và phương pháp tự học.

Sang học kỳ II, tỷ lệ sinh viên yếu kém giảm đáng kể, chỉ còn 17,7%. Điều này cho thấy sau một thời gian làm quen với môi trường học tập, đặc biệt là ở khóa K45, nhiều sinh viên đã thích nghi và cải thiện kết quả học tập. Kết quả cũng phản ánh khả năng tiến bộ rõ rệt sau giai đoạn khởi đầu còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đặc thù ngành Y đòi hỏi khối lượng kiến thức lớn, tính chính xác cao và yêu cầu thực hành thường xuyên. Ở năm học đầu tiên, sinh viên chủ yếu tiếp cận với các môn khoa học cơ bản và đại cương, thường khô khan và ít gắn với thực tế, dễ gây tâm lý chán nản, giảm động lực học tập.

Ngoài ra, yếu tố môi trường sống cũng ảnh hưởng đáng kể. Phần lớn sinh viên Y khoa đến từ nhiều tỉnh, phải xa gia đình, sống trong ký túc xá hoặc nhà trọ. Việc tự lo ăn ở, chi tiêu, sinh hoạt là một thách thức không nhỏ, làm xáo trộn nếp sống và ảnh hưởng tới thói quen học tập. Sức ép từ môi trường mới cộng thêm áp lực học tập có thể gây căng thẳng, rối loạn giấc ngủ, thậm chí dẫn tới stress kéo dài nếu thiếu sự hỗ trợ kịp thời từ gia đình và nhà trường.

So sánh giữa hai khóa cho thấy kết quả học tập của sinh viên K45 tốt hơn K44, với tỷ lệ Khá – Trung bình cao hơn và Yếu – Kém thấp hơn. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê này gợi ý rằng các biện pháp cải tiến trong quy trình tuyển sinh, đặc biệt là nâng cao chất lượng đầu vào, đã phát huy hiệu quả. Đồng thời, việc định hướng học tập sớm trong học kỳ đầu tiên có thể đã giúp sinh viên K45 thích nghi tốt hơn với môi trường đại học.

Đặt kết quả này trong bối cảnh so sánh với các nghiên cứu trước đây cho thấy sự phân hóa học lực ở sinh viên Y khoa năm nhất là một hiện tượng phổ biến. Chẳng hạn, nghiên

cứ tại Đại học Đại Nam (Trần Linh Cham và Ngô Thị Tâm, 2024) [2] ghi nhận tỷ lệ sinh viên đạt loại Giỏi là 11,3%, song tỷ lệ yếu/kém vẫn ở mức tương đương. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thảo (và cộng sự (2021) [5] thậm chí cho thấy tỷ lệ sinh viên yếu/kém vượt trên 50%. Những con số này cho thấy tình trạng phân hóa học lực sâu sắc là thách thức chung trong đào tạo Y khoa hiện nay, đòi hỏi sự can thiệp sớm và các giải pháp hỗ trợ toàn diện từ phía các cơ sở đào tạo

Kết quả học tập của nhóm sinh viên Y khoa năm nhất K44, K45 học chương trình Y khoa bằng tiếng Anh và tiếng Việt

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt đáng kể trong kết quả học tập giữa sinh viên năm nhất được đào tạo chương trình Y khoa bằng tiếng Anh và chương trình Y khoa bằng tiếng Việt, đặc biệt rõ rệt trong học kỳ đầu tiên. Tỷ lệ sinh viên đạt loại Xuất sắc, Giỏi và Khá ở nhóm học chương trình Y khoa bằng tiếng Anh cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm học chương trình Y khoa bằng tiếng Việt. Ngược lại, phần lớn sinh viên đạt mức Trung bình và Yếu – Kém tập trung ở nhóm học chương trình Y khoa bằng tiếng Việt. Sang học kỳ II, sự chênh lệch giữa hai nhóm có xu hướng thu hẹp, phản ánh ảnh hưởng của quá trình thích nghi và sự hỗ trợ học tập trong môi trường đại học.

Sinh viên Y khoa năm nhất K44 và K45 theo học chương trình Y khoa bằng tiếng Anh đạt kết quả học lực cao hơn so với nhóm học bằng tiếng Việt. Sự khác biệt này không chỉ bắt nguồn từ yếu tố ngôn ngữ mà còn liên quan đến nhiều khía cạnh trong đào tạo.

Trước hết, **chất lượng đầu vào**: chương trình đào tạo Y khoa bằng tiếng Anh thường có điểm chuẩn cao hơn và yêu cầu năng lực ngoại ngữ, qua đó tuyển chọn được những sinh viên có nền tảng kiến thức vững, tư duy độc lập và khả năng tự học tốt. Phần lớn sinh viên đã được chuẩn bị kỹ năng và tâm thế từ

trước, nên ít gặp “cú sốc” khi bước vào môi trường đại học.

Phương pháp giảng dạy và tài liệu học tập: các lớp tiếng Anh thường sử dụng giáo trình quốc tế, cập nhật và gắn với thực tiễn, đồng thời áp dụng phương pháp dạy học hiện đại như thảo luận nhóm, thuyết trình và seminar. Điều này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, năng lực giao tiếp học thuật và làm quen sớm với hoạt động nghiên cứu.

Môi trường học tập và động lực cá nhân: lớp học tiếng Anh thường có quy mô nhỏ, tạo điều kiện cho sự tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên. Bên cạnh đó, năng lực ngoại ngữ giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận tài liệu quốc tế và cơ hội học thuật rộng rãi hơn, góp phần nâng cao tính chủ động trong học tập.

Hiệu ứng cộng đồng học tập: đa số sinh viên trong lớp đào tạo chương trình Y khoa bằng tiếng Anh có trình độ tương đồng, tạo nên môi trường cạnh tranh tích cực, thúc đẩy tiến bộ chung. Ngược lại, sự chênh lệch đầu vào trong các lớp tiếng Việt khiến việc duy trì nhịp độ học tập gặp nhiều khó khăn, nhóm yếu dễ bị bỏ lại phía sau.

Khả năng tự học và thích nghi: việc thường xuyên tiếp cận tài liệu quốc tế giúp sinh viên hình thành thói quen tự nghiên cứu, nâng cao kỹ năng xử lý thông tin và khả năng thích nghi với khối lượng kiến thức lớn ngay từ năm đầu.

Như vậy, kết quả vượt trội của sinh viên năm nhất được đào tạo chương trình Y khoa bằng tiếng Anh không chỉ phản ánh lợi thế về ngoại ngữ mà còn là sự tổng hòa của chất lượng đầu vào, phương pháp giảng dạy hiện đại, môi trường học tập giàu động lực và cơ hội tiếp cận tri thức toàn cầu. Đây là những yếu tố quan trọng mà chương trình tiếng Việt cần tham khảo nhằm nâng cao chất lượng, thu hẹp khoảng cách và đảm bảo cơ hội phát triển công bằng cho mọi sinh viên.

Ngoài ra, mặc dù sinh viên năm nhất được đào tạo chương trình Y khoa bằng tiếng Việt gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn đầu, kết quả cho thấy khi được hỗ trợ kịp thời và có thời gian thích nghi, họ vẫn có khả năng cải thiện rõ rệt. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của các chương trình định hướng học tập, phát triển kỹ năng học đại học cũng như chính sách hỗ trợ học thuật từ phía nhà trường.

Kết quả của nghiên cứu này cũng củng cố nhận định của Mạc Thị Thảo và cộng sự (2021) [5], rằng mức độ thích ứng học tập là yếu tố dự báo quan trọng đối với nguy cơ bỏ học ở sinh viên năm nhất. Do đó, kết quả học tập kém trong học kỳ I của nhóm sinh viên chương trình tiếng Việt có thể phản ánh những khó khăn trong quá trình thích nghi – yếu tố cần được quan tâm và can thiệp sớm. Ngược lại, kết quả vượt trội của nhóm sinh viên chương trình tiếng Anh phù hợp với giả thuyết rằng môi trường học tập theo mô hình English-Medium Instruction (EMI) mang lại điều kiện thuận lợi hơn cho phát triển năng lực học tập. Không chỉ phản ánh năng lực đầu vào mạnh hơn, sinh viên EMI còn có khả năng khai thác tài liệu quốc tế, áp dụng chiến lược học tập chủ động và thành thạo các kỹ năng học thuật hiện đại như ghi chú, phản biện và làm việc nhóm. Điều này cũng tương đồng với phát hiện của Dang et al. (2025) [3], khi nhóm tác giả chỉ ra mối tương quan tích cực giữa năng lực ngoại ngữ, khả năng tự học và thành tích học tập trong đào tạo Y khoa.

KẾT LUẬN

Qua thống kê, phân tích, đề tài thu được các kết luận sau:

- Tỷ lệ sinh viên đạt loại Xuất sắc – Giỏi ở năm nhất K44 và K45 còn thấp (học kỳ I: K44 đạt 8,4%, K45 đạt 3,9%; học kỳ II: K44 đạt 1,7%, K45 đạt 8,5%).
- Tỷ lệ sinh viên yếu kém ở học kỳ I ở mức cao (K44: 47,8%; K45: 37,6%).

-Kết quả học tập của cả hai khóa có sự cải thiện rõ rệt ở học kỳ II, tỷ lệ Khá – Trung bình tăng và tỷ lệ Yếu – Kém giảm.
- Sinh viên năm nhất K45 đạt kết quả học tập tốt hơn K44, đặc biệt ở nhóm Khá – Giỏi, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.
- Sinh viên năm nhất được đào tạo chương trình Y khoa bằng tiếng Anh đạt kết quả cao hơn sinh viên năm nhất được đào tạo chương trình Y khoa bằng tiếng Việt trong cả hai học kỳ, đặc biệt ở học kỳ I, với tỷ lệ Giỏi – Xuất sắc cao hơn và tỷ lệ Yếu – Kém thấp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương, Q. H. (2023). Mindsponge Theory. Walter de Gruyter GmbH.(1)
2. Trần Linh Cham, Ngô Thị Tâm (2024). Kết quả học tập của sinh viên Y khoa trường đại học Đại Nam năm 2024. Tạp Chí Y học Cộng đồng, 65(CĐ 5 - NCKH)
3. Dang, N. B., Tran, P. T., Tran, H. T., Phan, Q. N., & Tran, N. H. (2025). What drives academic performance: Lifestyle, mental health, and biological traits among medical students in a Southeast Asian context. *Psychology International*, 7(2), 38.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT: Quy chế đào tạo trình độ đại học.
5. Mạc Thị Thảo, Ngô Thị Kiều Liên, Nguyễn Thị Nga, Phạm Thị Thùy Như (2021). Khảo sát mức độ thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất khoa xét nghiệm trường đại học Kỹ thuật Y Tế Hải Dương. *Tạp Chí Y học Việt Nam*, 502(1).